



# Household waste collection day Araw ng pangongolekta ng basura sa bahay

Días de coleta de lixo doméstico 家庭垃圾收集日历 Thông báo ngày thu gom rác

2025.1~2025.6

Before  
8:00 am

**Burnable garbage**  
Days in pink on the calendar

**Lixo incinerável**  
Dias marcados em rosa no calendário

**Nasusunog na basura**  
Mga araw na pink sa kalendaryo

可燃垃圾 日历上的粉色日期

**Rác cháy được**  
Ngày màu hồng trên lịch

**Non-burnable garbage**  
Days in blue on the calendar

**Lixo não-incinerável**  
Dias marcados em azul no calendário

**Hindi nasusunog na basura**  
Mga araw na asul sa kalendaryo

不可燃垃圾 日历上的蓝色日期

**Rác không cháy**  
Ngày màu xanh dương trên lịch

**Plastic resources**  
Days in yellow on the calendar

**Plástico reciclável**  
Dias marcados em amarelo no calendário

**recyclable na plastik**  
Mga araw na dilaw sa kalendaryo

塑料资源 日历上的黄色日期

**Nhựa có thể tái chế**  
Ngày màu vàng trên lịch

**Recyclable garbage/Recyclable refuse**  
Glass bottles and cans/Non-crushable, unsafe garbage Days in green on the calendar

**Lixo reciclável**  
Garrafas, latas e similares/Lixo de difícil fragmentação e materiais perigosos. Dias marcados em verde no calendário  
**Nareresiklong basura/Nareresiklong dumi**  
Mga boteng bubog at lata/ Hindi nadudurog, hindi ligtas na basura. Mga araw na berde sa kalendaryo

资源垃圾 瓶、罐类、难粉碎性垃圾、危险垃圾 日历上的绿色日期

**Rác tài nguyên** Chai/lon, rác khó nghiền nát, rác nguy hiểm  
Ngày màu xanh lá cây trên lịch

**Recyclable refuse**  
Old paper, old clothes Days in dark red on the calendar

**Lixo reciclável**  
Papéis e roupas usadas. Dias marcados em vinho no calendário

**Nareresiklong dumi**  
Lumang papel, lumang mga damit sa Mga araw na matingkad na pula sa kalendaryo

资源垃圾 废纸、旧衣物 日历上的红色日期

**Rác tài nguyên** Bảo cũ/quần áo cũ  
Ngày màu đỏ trên lịch

| 2025 1 January.Janeiro.Enero.Tháng 1 |                               |                             |                                  |                                |                                |                               |
|--------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|----------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|
| SUN DOMINGO LINGGO 星期天 Chủ Nhật      | MON SEGUNDA LUNES 星期一 Thứ hai | TUE TERÇA MARTES 星期二 Thứ ba | WED QUARTA MIYERKULES 星期三 Thứ tư | THU QUINTA HUWEBES 星期四 Thứ năm | FRI SEXTA BIYERNES 星期五 Thứ sáu | SAT SABADO SABADO 星期六 Thứ bảy |
|                                      |                               |                             | 1                                | 2                              | 3                              | 4                             |
| 5                                    | 6                             | <del>7</del>                | 8                                | 9                              | 10                             | 11                            |
| 12                                   | 13                            | 14                          | 15                               | 16                             | 17                             | 18                            |
| 19                                   | 20                            | 21                          | 22                               | 23                             | 24                             | 25                            |
| 26                                   | 27                            | 28                          | 29                               | 30                             | 31                             |                               |

| 2025 2 February.Fevereiro.Pebrero.Tháng 2 |                               |                             |                                  |                                |                                |                               |
|-------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|----------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|
| SUN DOMINGO LINGGO 星期天 Chủ Nhật           | MON SEGUNDA LUNES 星期一 Thứ hai | TUE TERÇA MARTES 星期二 Thứ ba | WED QUARTA MIYERKULES 星期三 Thứ tư | THU QUINTA HUWEBES 星期四 Thứ năm | FRI SEXTA BIYERNES 星期五 Thứ sáu | SAT SABADO SABADO 星期六 Thứ bảy |
|                                           |                               |                             |                                  |                                |                                | 1                             |
| 2                                         | 3                             | 4                           | 5                                | 6                              | 7                              | 8                             |
| 9                                         | 10                            | 11                          | 12                               | 13                             | 14                             | 15                            |
| 16                                        | 17                            | 18                          | 19                               | 20                             | 21                             | 22                            |
| 23                                        | 24                            | 25                          | 26                               | 27                             | 28                             |                               |

| 2025 3 March.Março.Marso.Tháng 3 |                               |                             |                                  |                                |                                |                               |
|----------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|----------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|
| SUN DOMINGO LINGGO 星期天 Chủ Nhật  | MON SEGUNDA LUNES 星期一 Thứ hai | TUE TERÇA MARTES 星期二 Thứ ba | WED QUARTA MIYERKULES 星期三 Thứ tư | THU QUINTA HUWEBES 星期四 Thứ năm | FRI SEXTA BIYERNES 星期五 Thứ sáu | SAT SABADO SABADO 星期六 Thứ bảy |
|                                  |                               |                             |                                  |                                |                                | 1                             |
| 2                                | 3                             | 4                           | 5                                | 6                              | 7                              | 8                             |
| 9                                | 10                            | 11                          | 12                               | 13                             | 14                             | 15                            |
| 16                               | 17                            | 18                          | 19                               | 20                             | 21                             | 22                            |
| 23<br>30                         | 24<br>31                      | 25                          | 26                               | 27                             | 28                             | 29                            |

| 2025 4 April.Abril.Abril.Tháng 4 |                               |                             |                                  |                                |                                |                               |
|----------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|----------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|
| SUN DOMINGO LINGGO 星期天 Chủ Nhật  | MON SEGUNDA LUNES 星期一 Thứ hai | TUE TERÇA MARTES 星期二 Thứ ba | WED QUARTA MIYERKULES 星期三 Thứ tư | THU QUINTA HUWEBES 星期四 Thứ năm | FRI SEXTA BIYERNES 星期五 Thứ sáu | SAT SABADO SABADO 星期六 Thứ bảy |
|                                  |                               | 1                           | 2                                | 3                              | 4                              | 5                             |
| 6                                | 7                             | 8                           | 9                                | 10                             | 11                             | 12                            |
| 13                               | 14                            | 15                          | 16                               | 17                             | 18                             | 19                            |
| 20                               | 21                            | 22                          | 23                               | 24                             | 25                             | 26                            |
| 27                               | 28                            | 29                          | 30                               |                                |                                |                               |

| 2025 5 May.Maio.Mayo.Tháng 5    |                               |                             |                                  |                                |                                |                               |
|---------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|----------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|
| SUN DOMINGO LINGGO 星期天 Chủ Nhật | MON SEGUNDA LUNES 星期一 Thứ hai | TUE TERÇA MARTES 星期二 Thứ ba | WED QUARTA MIYERKULES 星期三 Thứ tư | THU QUINTA HUWEBES 星期四 Thứ năm | FRI SEXTA BIYERNES 星期五 Thứ sáu | SAT SABADO SABADO 星期六 Thứ bảy |
|                                 |                               |                             |                                  | 1                              | 2                              | 3                             |
| 4                               | 5                             | 6                           | 7                                | 8                              | 9                              | 10                            |
| 11                              | 12                            | 13                          | 14                               | 15                             | 16                             | 17                            |
| 18                              | 19                            | 20                          | 21                               | 22                             | 23                             | 24                            |
| 25                              | 26                            | 27                          | 28                               | 29                             | 30                             | 31                            |

| 2025 6 June.Junho.Hunyo.Tháng 6 |                               |                             |                                  |                                |                                |                               |
|---------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|----------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|
| SUN DOMINGO LINGGO 星期天 Chủ Nhật | MON SEGUNDA LUNES 星期一 Thứ hai | TUE TERÇA MARTES 星期二 Thứ ba | WED QUARTA MIYERKULES 星期三 Thứ tư | THU QUINTA HUWEBES 星期四 Thứ năm | FRI SEXTA BIYERNES 星期五 Thứ sáu | SAT SABADO SABADO 星期六 Thứ bảy |
| 1                               | 2                             | 3                           | 4                                | 5                              | 6                              | 7                             |
| 8                               | 9                             | 10                          | 11                               | 12                             | 13                             | 14                            |
| 15                              | 16                            | 17                          | 18                               | 19                             | 20                             | 21                            |
| 22                              | 23                            | 24                          | 25                               | 26                             | 27                             | 28                            |
| 29                              | 30                            |                             |                                  |                                |                                |                               |

2025.7~  
2025.12

In accordance with the  
"Household Waste and Resources  
Sorting and Disposal Quick Guide"  
place at the designated waste station  
before 8:00 am on the day of collection.

Questions about garbage collection:  
Non-burnable garbage  
Anjo-shi Seiso Jigyosho  
(Waste Center)  
Telephone 76-3053, Fax 77-1318  
Burnable garbage  
Anjo-shi Kankyo Clean Center  
Telephone 92-0178, Fax 92-0405

Veja o "Guia Prático de Seleção  
/Descarte de Lixo Doméstico e Material  
Reciclável" e jogue na estação de lixo  
do local determinado até as  
8 horas da manhã do dia da coleta.

Informações e consultas sobre lixos:  
[Lixo não-incinerável]  
Anjo-shi Seiso Jigyosho  
(Escritório de Coleta de Lixo)  
Telefone: 76-3053 FAX. 77-1318  
[Lixo incinerável]  
Anjo-shi Kankyo Clean Center  
(Centro de Limpeza Ambiental)  
Telefone: 92-0178 FAX. 92-0405

Ayon sa "Household Waste and  
Resources Sorting and Disposal  
Quick Guide" ang lugar sa itinalagang  
estasyon ng basura bago ang 8:00 am  
sa araw ng koleksyon.

Ang mga tanong tungkol sa pagkolekta ng basura:  
Hindi nasusunog na basura  
Anjo-shi Seiso Jigyosho  
(Waste Center)  
Telepono 76-3053, Fax 77-1318  
Nasusunog na basura  
Anjo-shi Kankyo Clean Center  
Telepono 92-0178, Fax 92-0405

请参考  
「家庭垃圾和资源的分类方法  
和扔置方法简明手册」、  
在收集日的上午8点以前，  
将垃圾丢弃在指定的垃圾收集场所。

处理垃圾询问处  
不可燃垃圾  
安城市清扫事业所  
电话：76-3053、传真：77-1318  
可燃垃圾  
安城市环境清洁中心  
电话：92-0178、传真：92-0405

Theo như tham khảo cuốn sách  
về cách phân loại và bỏ rác  
thải sinh hoạt và tài nguyên.  
Hãy bỏ rác ra khu vực vứt rác  
trước 8 giờ vào ngày thu gom rác

Hỏi đáp về vấn đề rác thải:  
Rác không cháy  
Văn phòng vệ sinh thành phố Anjo  
TEL 76-3053, FAX 77-1318  
Rác cháy được  
Trung tâm làm sạch môi trường  
thành phố Anjo  
TEL 92-0178, FAX 92-0405

\*The break in collection days during year-end and New Years is changing.

\*Há alteração de intervalo dos dias de coleta no final e início de ano.

\*Ang pahinga sa pangangolekta ng basura tuwing katapusan ng taon at Bagong Taon ay nagbabago.

\*年末年初の収集日间隔有所不同。

\*Ngày thu gom rác thay đổi trong dịp cuối năm và Tết dương lịch.

Self carrying-in of home generated trash  
(Environmental Clean Center  
/Recycle Plaza)

Every day from Mon. to Fri.  
(Including holidays)  
(8:30am - 12:00am, 1:00pm - 4:45pm)  
○ on the 3rd Sunday morning of every month (8:30am-12:00am)  
and at December 29th.  
※Excluding December 30th to January 3rd.

Transporte individual de lixo doméstico  
(Centro de Limpeza Ambiental  
/Recycle Plaza)

De segunda a sexta  
(inclusive feriados)  
(8:30 - 12:00 e 13:00 - 16:45)  
○ Coleta no 3º domingo de todos os meses (Das 8:30~12:00  
e última coleta no dia 29 de dezembro.  
※Fechado entre 30 de dezembro e 3 de janeiro.

Kusang pagdadala ng sariling basura na  
nagmula sa bahay (Clean Center para sa  
Kapaligiran/Plaza sa pagreresiklo)

Araw-araw mula Lunes hanggang Biyernes  
(Kabilang ang bakasyon)  
(8:30am - 12:00am, 1:00pm - 4:45pm)  
○ Sa tuwing ika-3 Sunday ng bawat buwan (8:30am hanggang 12:00)  
at sa Dec.29 ay puwedeng dalhin ang basura.  
※Hindi kabilang ang ika-30 ng Disyembre  
hanggang ika-3 ng Enero.

家庭垃圾的自己搬入  
(环境清洁中心、  
再利用广场)

星期一至星期五每天  
(包括节假日)  
(上午8点半~12点、下午1点~4点45分)  
○ 每个月的第三个星期日  
(上午8点半~12点)  
和12/29受理。  
※12月30日~1月3日休息

Rác phải tự đem vứt  
(ở khu làm sạch môi  
trường hay khu tái chế)

Từ thứ 2 đến thứ 6 (kể cả ngày lễ)  
buổi sáng 8:30~12:00, buổi chiều  
1:00~4:45  
○ Mỗi tháng, ngày Chủ Nhật lần thứ 3 trong tháng  
(sáng từ 8:30 đến 12:00) hoặc Đặc biệt đem đến  
vào ngày cuối năm 29 tháng 12.  
※Trừ 30/12 ~3/1

| 2025 7 July.Julho.Hulyo.Tháng 7             |                                           |                                         |                                              |                                            |                                            |                                           |
|---------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|
| SUN<br>DOMINGO<br>LINGGO<br>星期天<br>Chủ Nhật | MON<br>SEGUNDA<br>LUNES<br>星期一<br>Thứ hai | TUE<br>TERÇA<br>MARTES<br>星期二<br>Thứ ba | WED<br>QUARTA<br>MIYERKULES<br>星期三<br>Thứ tư | THU<br>QUINTA<br>HUWEBES<br>星期四<br>Thứ năm | FRI<br>SEXTA<br>BIYERNES<br>星期五<br>Thứ sáu | SAT<br>SABADO<br>SABADO<br>星期六<br>Thứ bảy |
|                                             |                                           | 1                                       | 2                                            | 3                                          | 4                                          | 5                                         |
| 6                                           | 7                                         | 8                                       | 9                                            | 10                                         | 11                                         | 12                                        |
| 13                                          | 14                                        | 15                                      | 16                                           | 17                                         | 18                                         | 19                                        |
| 20                                          | 21                                        | 22                                      | 23                                           | 24                                         | 25                                         | 26                                        |
| 27                                          | 28                                        | 29                                      | 30                                           | 31                                         |                                            |                                           |

| 2025 8 August.Agosto.Agosto.Tháng 8         |                                           |                                         |                                              |                                            |                                            |                                           |
|---------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|
| SUN<br>DOMINGO<br>LINGGO<br>星期天<br>Chủ Nhật | MON<br>SEGUNDA<br>LUNES<br>星期一<br>Thứ hai | TUE<br>TERÇA<br>MARTES<br>星期二<br>Thứ ba | WED<br>QUARTA<br>MIYERKULES<br>星期三<br>Thứ tư | THU<br>QUINTA<br>HUWEBES<br>星期四<br>Thứ năm | FRI<br>SEXTA<br>BIYERNES<br>星期五<br>Thứ sáu | SAT<br>SABADO<br>SABADO<br>星期六<br>Thứ bảy |
|                                             |                                           |                                         |                                              |                                            | 1                                          | 2                                         |
| 3                                           | 4                                         | 5                                       | 6                                            | 7                                          | 8                                          | 9                                         |
| 10                                          | 11                                        | 12                                      | 13                                           | 14                                         | 15                                         | 16                                        |
| 17                                          | 18                                        | 19                                      | 20                                           | 21                                         | 22                                         | 23                                        |
| 24<br>31                                    | 25                                        | 26                                      | 27                                           | 28                                         | 29                                         | 30                                        |

| 2025 9 September.Setembro.Setyembre.Tháng 9 |                                           |                                         |                                              |                                            |                                            |                                           |
|---------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|
| SUN<br>DOMINGO<br>LINGGO<br>星期天<br>Chủ Nhật | MON<br>SEGUNDA<br>LUNES<br>星期一<br>Thứ hai | TUE<br>TERÇA<br>MARTES<br>星期二<br>Thứ ba | WED<br>QUARTA<br>MIYERKULES<br>星期三<br>Thứ tư | THU<br>QUINTA<br>HUWEBES<br>星期四<br>Thứ năm | FRI<br>SEXTA<br>BIYERNES<br>星期五<br>Thứ sáu | SAT<br>SABADO<br>SABADO<br>星期六<br>Thứ bảy |
|                                             | 1                                         | 2                                       | 3                                            | 4                                          | 5                                          | 6                                         |
| 7                                           | 8                                         | 9                                       | 10                                           | 11                                         | 12                                         | 13                                        |
| 14                                          | 15                                        | 16                                      | 17                                           | 18                                         | 19                                         | 20                                        |
| 21                                          | 22                                        | 23                                      | 24                                           | 25                                         | 26                                         | 27                                        |
| 28                                          | 29                                        | 30                                      |                                              |                                            |                                            |                                           |

| 2025 10 October.Outubro.Oktubre.Tháng 10    |                                           |                                         |                                              |                                            |                                            |                                           |
|---------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|
| SUN<br>DOMINGO<br>LINGGO<br>星期天<br>Chủ Nhật | MON<br>SEGUNDA<br>LUNES<br>星期一<br>Thứ hai | TUE<br>TERÇA<br>MARTES<br>星期二<br>Thứ ba | WED<br>QUARTA<br>MIYERKULES<br>星期三<br>Thứ tư | THU<br>QUINTA<br>HUWEBES<br>星期四<br>Thứ năm | FRI<br>SEXTA<br>BIYERNES<br>星期五<br>Thứ sáu | SAT<br>SABADO<br>SABADO<br>星期六<br>Thứ bảy |
|                                             |                                           |                                         | 1                                            | 2                                          | 3                                          | 4                                         |
| 5                                           | 6                                         | 7                                       | 8                                            | 9                                          | 10                                         | 11                                        |
| 12                                          | 13                                        | 14                                      | 15                                           | 16                                         | 17                                         | 18                                        |
| 19                                          | 20                                        | 21                                      | 22                                           | 23                                         | 24                                         | 25                                        |
| 26                                          | 27                                        | 28                                      | 29                                           | 30                                         | 31                                         |                                           |

| 2025 11 November.Novembro.Nobyembre.Tháng 11 |                                           |                                         |                                              |                                            |                                            |                                           |
|----------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|
| SUN<br>DOMINGO<br>LINGGO<br>星期天<br>Chủ Nhật  | MON<br>SEGUNDA<br>LUNES<br>星期一<br>Thứ hai | TUE<br>TERÇA<br>MARTES<br>星期二<br>Thứ ba | WED<br>QUARTA<br>MIYERKULES<br>星期三<br>Thứ tư | THU<br>QUINTA<br>HUWEBES<br>星期四<br>Thứ năm | FRI<br>SEXTA<br>BIYERNES<br>星期五<br>Thứ sáu | SAT<br>SABADO<br>SABADO<br>星期六<br>Thứ bảy |
|                                              |                                           |                                         |                                              |                                            |                                            | 1                                         |
| 2                                            | 3                                         | 4                                       | 5                                            | 6                                          | 7                                          | 8                                         |
| 9                                            | 10                                        | 11                                      | 12                                           | 13                                         | 14                                         | 15                                        |
| 16                                           | 17                                        | 18                                      | 19                                           | 20                                         | 21                                         | 22                                        |
| 23<br>30                                     | 24                                        | 25                                      | 26                                           | 27                                         | 28                                         | 29                                        |

| 2025 12 December.Dezembro.Disyembre.Tháng 12 |                                           |                                         |                                              |                                            |                                            |                                           |
|----------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|
| SUN<br>DOMINGO<br>LINGGO<br>星期天<br>Chủ Nhật  | MON<br>SEGUNDA<br>LUNES<br>星期一<br>Thứ hai | TUE<br>TERÇA<br>MARTES<br>星期二<br>Thứ ba | WED<br>QUARTA<br>MIYERKULES<br>星期三<br>Thứ tư | THU<br>QUINTA<br>HUWEBES<br>星期四<br>Thứ năm | FRI<br>SEXTA<br>BIYERNES<br>星期五<br>Thứ sáu | SAT<br>SABADO<br>SABADO<br>星期六<br>Thứ bảy |
|                                              | 1                                         | 2                                       | 3                                            | 4                                          | 5                                          | 6                                         |
| 7                                            | 8                                         | 9                                       | 10                                           | 11                                         | 12                                         | 13                                        |
| 14                                           | 15                                        | 16                                      | 17                                           | 18                                         | 19                                         | 20                                        |
| 21                                           | 22                                        | 23                                      | 24                                           | 25                                         | 26                                         | 27                                        |
| 28                                           | 29                                        | 30                                      | 31                                           |                                            |                                            |                                           |